TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2023/QĐST-HNGĐ	*ngày 22 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 54/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: S đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Sỹ D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: S đường H, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sỹ D và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh D1 và chị T thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ D và chị Phạm Thị T.

[2]. Về con chung: Anh D1 và chị T có 02 con chung là Lê Trung H, sinh ngày 02/04/2008 và Lê Thu P, sinh ngày 19/08/2010. Anh chị thỏa thuận: Giao cháu Lê Trung H cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3].Về tài sản và công nợ: Anh D1, chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: A, chị T thỏa thuận, anh D1 chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật, chị T không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Sỹ D và chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Anh D1 và chị T có 02 con chung là Lê Trung H, sinh ngày 02/04/2008 và Lê Thu P, sinh ngày 19/08/2010. Giao cháu Lê Trung H cho anh D1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Duy, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Anh Duy, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh D1 chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2022/0002873 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huy